

BỘ Y TẾ
VIỆN HUYẾT HỌC – TRUYỀN MÁU TW

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập – Tự do – Hạnh phúc

Số: 1437 /HHTM
V/v báo cáo truyền máu năm 2022
và dự kiến kế hoạch năm 2023

Hà Nội, ngày 01 tháng 12 năm 2022

Kính gửi: Sở Y tế các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương

Thực hiện Thông tư 26/2013/TT-BYT ngày 16/9/2013 của Bộ Y tế về Hướng dẫn hoạt động truyền máu, nhằm tổng hợp đầy đủ kết quả truyền máu năm 2022 và kế hoạch hoạt động năm 2023 báo cáo Bộ Y tế, Viện Huyết học – Truyền máu TW kính đề nghị Sở Y tế các tỉnh/thành phố trực thuộc Trung ương phối hợp với Trung tâm Máu Quốc gia thực hiện một số nội dung sau:

1. Có văn bản đề nghị và đơn đốc các bệnh viện, cơ sở y tế trực thuộc có tiếp nhận, sử dụng, cung cấp máu thực hiện báo cáo hoạt động truyền máu năm 2022 và phương án, kế hoạch năm 2023 (**mẫu số 01**).

2. Thống kê tóm tắt tình hình tiếp nhận, sử dụng máu trong điều trị của các bệnh viện, cơ sở y tế trực thuộc địa bàn quản lý (**mẫu số 02**).

- Số liệu thống kê tính từ ngày 01/12/2021 – 30/11/2022;
- Thời gian hoàn thiện **trước ngày 20/12/2022** và gửi về Trung tâm Máu Quốc gia, Viện Huyết học – Truyền máu TW, phố Phạm Văn Bạch, quận Cầu Giấy, Hà Nội.

File mềm báo cáo gửi qua email: trungtammauquocgia@gmail.com.

Chi tiết xin liên hệ: Văn phòng Trung tâm Máu Quốc gia, điện thoại:

024 3868 6008 – 0969 881 994 (ThS. Diệu Anh), 0981 300 896 (ThS. Khánh Huyền).

Xin trân trọng cảm ơn!

Nơi nhận:

- Như kính gửi;
- Cục QLKCB, Bộ Y tế (để b/c);
- Lưu: VT, VPTTMQG.

VIỆN TRƯỞNG
VIỆN HUYẾT HỌC
TRUYỀN MÁU
TRUNG ƯƠNG
Nguyễn Hà Thanh

PHỤ LỤC

DANH SÁCH CÁC SỞ Y TẾ TRỰC THUỘC TRUNG ƯƠNG

TT	Nơi nhận	Địa chỉ
1	Sở Y tế Cao Bằng	Số 31, Phố Hiến Giang, P. Hợp Giang, TX. Cao Bằng
2	Sở Y tế Cần Thơ	71 Lý Tự Trọng, P. An Phú, Q. Ninh Kiều, TP. Cần Thơ
3	Sở Y tế Cà Mau	155A Bùi Thị Trường, P.5, TP. Cà Mau
4	Sở Y tế Bình Thuận	59 Lê Hồng Phong, TP. Phan Thiết
5	Sở Y tế Bình Phước	Ấp 1, Xã Tiến Thành, TX. Đồng Xoài, Tỉnh Bình Phước
6	Sở Y tế Hải Dương	42 Quang Trung, TP. Hải Dương
7	Sở Y tế Hà Tĩnh	71 Hải Thượng Lãn Ông, P. Bắc Hà, Tỉnh Hà Tĩnh
8	Sở Y tế Hà Nam	Đường Trường Chinh, TP. Phủ Lý
9	Sở Y tế Hà Giang	337 Nguyễn Trãi, TP. Hà Giang
10	Sở Y tế Kon Tum	71 Phan Đình Phùng, TX. Kon Tum
11	Sở Y tế Kiên Giang	Số 1 Trần Hưng Đạo, P. Vĩnh Thanh Vân, TP. Rạch Giá, Tỉnh Kiên Giang
12	Sở Y tế Khánh Hòa	Số 3 Hàn Thuyên, TP. Nha Trang
13	Sở Y tế Hưng Yên	Đường Hải Thượng Lãn Ông, P. An Tảo, Tỉnh Hưng Yên
14	Sở Y tế Hòa Bình	P. Đồng Tiến, TX. Hòa Bình
15	Sở Y tế Hậu Giang	Số 6 Ngô Quyền, Khu vực 4, P.5, TP. Vị Thanh, Tỉnh Hậu Giang
16	Sở Y tế Phú Yên	Số 4 Tổ Hữu, P.9, TP. Tuy Hòa, Tỉnh Phú Yên
17	Sở Y tế Phú Thọ	Đường Trần Phú, P. Gia Cẩm, TP. Việt Trì
18	Sở Y tế Ninh Bình	Số 18 Kim Đồng, P. Phúc Thành, TP. Ninh Bình
19	Sở Y tế Ninh Thuận	Số 1, Đường 21/8, TP. Phan Rang, Tỉnh Tháp Chàm
20	Sở Y tế Nghệ An	Số 18 Trường Thi, TP. Vinh
21	Sở Y tế Nam Định	14 Trần Thánh Tông, P. Thống Nhất, TP. Nam Định
22	Sở Y tế Long An	70 Nguyễn Đình Chiểu, P.1, TX. Tân An, Tỉnh Long An
23	Sở Y tế Lào Cai	82 Hoàng Liên, P. Cốc Lếu, TP. Lào Cai
24	Sở Y tế Lạng Sơn	50 Đinh Tiên Hoàng, P. Chi Lăng, TP. Lạng Sơn
25	Sở Y tế Lâm Đồng	Số 4 Trần Hưng Đạo, P.3, TP. Đà Lạt, Tỉnh Lâm Đồng
26	Sở Y tế Lai Châu	Tổ 22, P. Đông Phong, TX. Lai Châu, Tỉnh Lai Châu
27	Sở Y tế Bắc Giang	Đường Hùng Vương, P. Ngô Quyền, TP. Bắc Giang
28	Sở Y tế Bà Rịa Vũng Tàu	170 Ba Cu, P.3, TP. Vũng Tàu
29	Sở Y tế An Giang	15 Lê Triệu Kiết, P. Mỹ Bình, TP. Long Xuyên, Tỉnh An Giang
30	Sở Y tế Hồ Chí Minh	59 Nguyễn Thị Minh Khai, P. Bến Thành, Q.1, TP. Hồ Chí Minh
31	Sở Y tế Hà Nội	Số 4 Sơn Tây, Q. Ba Đình, Hà Nội
32	Sở Y tế Hải Phòng	38 Lê Đại Hành, Q. Hồng Bàng, TP. Hải Phòng
33	Sở Y tế Đà Nẵng	Tầng 23, Trung tâm hành chính Thành phố Đà Nẵng, 24 Trần Phú, TP. Đà Nẵng
34	Sở Y tế Yên Bái	486 Tây Ninh, TP. Yên Bái
35	Sở Y tế Gia Lai	Số 9 Trần Hưng Đạo, P. Tây Sơn, TP. Pleiku
36	Sở Y tế Đồng Tháp	Số 5 Đường Võ Trường Toản, P.1, TP. Cao Lãnh, Tỉnh Đồng Tháp
37	Sở Y tế Đồng Nai	Số 2 Phan Đình Phùng, TP. Biên Hòa, Tỉnh Đồng Nai

38	Sở Y tế Điện Biên	Số 48 Đường Tôn Thất Tùng, Tổ 25, P. Mường Thanh, TP. Điện Biên Phủ, Tỉnh Điện Biên
39	Sở Y tế Đắk Nông	Khối 1, P. Nghĩa Tân, TX. Gia Nghĩa, Tỉnh Đắk Nông
40	Sở Y tế Đắk Lắk	68 Lê Duẩn, TP. Buôn Ma Thuột, Tỉnh Đắk Lắk
41	Sở Y tế Quảng Trị	34 Trần Hưng Đạo, TX. Đông Hà, Tỉnh Quảng Trị
42	Sở Y tế Quảng Ninh	Đường Lê Thánh Tông, P. Bạch Đằng, TP. Hạ Long
43	Sở Y tế Quảng Bình	Số 2 Hồ Xuân Hương, P. Đồng Mỹ, TP. Đồng Hới, Tỉnh Quảng Bình
44	Sở Y tế Quảng Ngãi	19 Nguyễn Chánh, TP. Quảng Ngãi
45	Sở Y tế Quảng Nam	15 Trần Hưng Đạo, TP. Tam Kỳ, Tỉnh Quảng Nam
46	Sở Y tế Bình Dương	Tầng 15, Tháp A, Trung tâm hành chính, P. Hòa Phú, TP. Thủ Dầu Một, Tỉnh Bình Dương
47	Sở Y tế Bình Định	756 Trần Hưng Đạo, TP. Quy Nhơn
48	Sở Y tế Bến Tre	39 Đường Đoàn Hoàng Minh, P.5, TP. Bến Tre, Tỉnh Bến Tre
49	Sở Y tế Bắc Ninh	Số 3 Lý Thái Tổ, P. Suối Hoa, TP. Bắc Ninh
50	Sở Y tế Bạc Liêu	Số 7 Đường Nguyễn Tấn Thành, P.1, TP. Bạc Liêu
51	Sở Y tế Bắc Kạn	Tổ 7 – P. Đức Xuân, TX. Bắc Kạn, Tỉnh Bắc Kạn
52	Sở Y tế Vĩnh Phúc	12 Đường Hai Bà Trưng, P. Đồng Đa, TP. Vĩnh Yên
53	Sở Y tế Tuyên Quang	Số 1 Đinh Tiên Hoàng, P. Tân Quang, TX. Tuyên Quang, Tỉnh Tuyên Quang
54	Sở Y tế Trà Vinh	16A Nguyễn Thái Học, P.1, TX. Trà Vinh, Tỉnh Trà Vinh
55	Sở Y tế Vĩnh Long	47 Lê Văn Tám, P.1, TX. Vĩnh Long, Tỉnh Vĩnh Long
56	Sở Y tế Tiền Giang	Số 5 Hùng Vương, P.1, TP. Mỹ Tho, Tỉnh Tiền Giang
57	Sở Y tế Thanh Hóa	101 Nguyễn Trãi, P. Ba Đình, TP. Thanh Hóa
58	Sở Y tế Thừa Thiên Huế	28 Lê Lợi, TP. Huế
59	Sở Y tế Thái Nguyên	Số 27 Đường Bến Thượng, P. Trưng Vương, TP. Thái Nguyên
60	Sở Y tế Thái Bình	239 Hai Bà Trưng, TP. Thái Bình
61	Sở Y tế Tây Ninh	22 Lê Lợi, P.3, TX. Tây Ninh
62	Sở Y tế Sơn La	48 Lò Văn Giá, TX. Sơn La
63	Sở Y tế Sóc Trăng	Số 6 Đường Châu Văn Tiếp, P.2, TX. Sóc Trăng

BỘ/SỞ Y TẾ.....

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

Bệnh viện/Trung tâm Truyền máu.....

Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

BẢO CÁO SỔ LIỆU TRUYỀN MÁU

(Số liệu tính từ 01/12/2021 đến 30/11/2022)

I. THÔNG TIN VỀ ĐƠN VỊ

1. Tên đầy đủ của Bệnh viện/Trung tâm:
2. Địa chỉ:
3. Họ tên Lãnh đạo phụ trách hoạt động truyền máu:
4. Chức vụ: Email:
5. Người lập báo cáo: Email:

II. TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN, XÉT NGHIỆM SÀNG LỌC, ĐIỀU CHẾ MÁU (Chỉ dành cho đơn vị có tổ chức tiếp nhận máu)

1. Số liệu tiếp nhận:

Số lượng mẫu toàn phần tiếp nhận				Tỷ lệ hiện mẫu $\geq 350\text{ml}$ (%)	Tỷ lệ hiện mẫu nhắc lại (%)	Tỷ lệ hiện mẫu tình nguyện (%)	Số lượng tiếp nhận khối tiểu cầu gạn tách apheresis (không quy đổi thể tích)
250ml	350ml	450ml	Tổng				

*Ghi chú: tỷ lệ hiện mắc lại và tỷ lệ hiện mắc tình nguyện không bao gồm hiện KTCGT.

2. Hoạt động tiếp nhận:

2.1. Tiếp nhận theo thời gian:

[illegible]

2.2. Tiếp nhận theo địa điểm:

Hình thức	Lưu động tại cộng đồng	Điểm cố định*	TỔNG
Số lượng			

*"Điểm cố định" là điểm tiếp nhận máu được tổ chức thường xuyên/định kỳ tại một địa điểm.

2.3. Địa bàn tiếp nhận: (Ghi rõ tỉnh/thành phố):

3. Số lượt người đăng ký hiến máu bị trì hoãn trước khi hiến máu:

Lý do	Không đủ cân nặng	HST thấp	Test nhanh (+)	Tiền sử sức khỏe không an toàn	Có hành vi nguy cơ	Lý do trì hoãn khác	TỔNG
Số lượng							

4. Xét nghiệm sàng lọc máu:

a) Tình hình triển khai xét nghiệm:

➢ Xét nghiệm huyết thanh học:

Triển khai tại chỗ: ☐

Gửi mẫu cho PXN khác: ☐ (Ghi rõ đơn vị gửi mẫu:.....)

➢ Xét nghiệm NAT:

Triển khai tại chỗ: ☐

Gửi mẫu cho PXN khác: ☐ (Ghi rõ đơn vị gửi mẫu:.....)

b) Số lượng, kỹ thuật xét nghiệm:

Nội dung	Kỹ thuật xét nghiệm						
	Huyết thanh học				KTBT		
	HBV	HCV	HIV	Giang mai	Sốt rét	HBV	HCV
Số lượng mẫu XN							
Số lượng mẫu phản ứng							
Tỷ lệ (%)							

5. Điều chế máu, các thành phần máu:

a) Số đơn vị máu/chế phẩm máu hủy do không đạt yêu cầu:

Nguyên nhân	Do xét nghiệm sàng lọc (dương tính HBV, HCV, HIV, Giang mai....)	Không đủ thể tích	Thùng, vỡ túi	Hết hạn sử dụng	Lý do khác	Tổng
Số lượng						

b) Số đơn vị máu, chế phẩm máu điều chế:

Loại chế phẩm	MTP/KHC	KTC pool (từ MTP)	Khối tiêu cầu gạn tách apheresis	Huyết tương	Tủa	Chế phẩm máu khác
Số lượng						

**Ghi chú: Tính theo số lượng đơn vị máu và chế phẩm máu điều chế (không quy đổi thể tích).*

III. TÌNH HÌNH SỬ DỤNG, CUNG CẤP MÁU VÀ CHẾ PHẨM MÁU

1. Sử dụng tại bệnh viện:

a. Số lượng sử dụng:

Nguồn cung cấp	MTP/KHC	Khối tiêu cầu pool (từ MTP)	Khối tiêu cầu gạn tách apheresis	Huyết tương	Tủa	Chế phẩm máu khác
- Tự thu nhận, điều chế						
- Nhận từ TT khác						
Tên đơn vị						
Tên đơn vị						
.....						
TỔNG						

b. Sử dụng theo thời gian:

Tháng	12/2021	01/2022	02/2022	03/2022	04/2022	05/2022	06/2022	07/2022	08/2022	09/2022	10/2022	11/2022
KHC												
KTCGT												
CPM												
khác												
TỔNG												

* Ghi chú: Tính theo số lượng đơn vị máu và chế phẩm máu điều chế (không quy đổi thể tích).

2. Cung cấp cho bệnh viện/cơ sở khác (nếu có):

TT	Tên cơ sở y tế	Tỉnh/TP	MTP/KHC	Khối tiêu cầu pool (từ MTP)	Khối tiêu cầu gạn tách apherresis	Huyết tương	Tủa	Chế phẩm máu khác
	(Liệt kê tên cơ sở y tế)	(Liệt kê tên tỉnh/TP)						
	Tổng							

*Ghi chú: Tính theo số lượng đơn vị máu và chế phẩm máu điều chế (không quy đổi thể tích).

IV. DỰ KIẾN KHẢ NĂNG TIẾP NHẬN, NHU CẦU SỬ DỤNG MTP/KHC NĂM 2023 (từ 1/12/2023 – 30/11/2023)

Thời gian	12/2022	01/2023	02/2023	03/2023	04/2023	05/2022	06/2023	07/2023	08/2023	09/2023	10/2023	11/2023
Dự kiến												
Nhu cầu sử dụng KHC												
Khả năng tiếp nhận MTP												

V. MỘT SỐ HOẠT ĐỘNG KHÁC

1. Thành lập Hội đồng truyền máu bệnh viện: ☐ Đã thành lập ☐ (Năm thành lập:.....) Chưa thành lập ☐
2. Chứng nhận chất lượng hiện có: ISO 9001 ☐ ISO 15189 ☐ ISO 13485 ☐ Khác: ☐

3. Công cụ quản lý dữ liệu hoạt động dịch vụ mẫu:

+ Phần mềm:

Tên phần mềm:.....

Đơn vị cung cấp phần mềm:.....

+ Thủ công (Excel, hồ sơ cứng):

VI. KHÓ KHĂN, TỒN TẠI

Liệt kê những khó khăn, tồn tại trong hoạt động truyền mẫu thời gian qua (nhân lực, vật tư, hóa chất, sinh phẩm, thiết bị...)

VII. ĐỀ XUẤT

Nêu các nội dung đề xuất liên quan đến đào tạo, tập huấn, làm việc, trao đổi, chuyển giao công nghệ và các đề xuất khác (nếu có).

Thời gian hoàn thiện: File mềm gửi trước ngày 15/12/2022 tới địa chỉ vp.ting@gmail.com

LÃNH ĐẠO ĐƠN VỊ

....., ngày tháng năm 2022

NGƯỜI LẬP BÁO CÁO

51:14:01 2202/71/70 -Phụ SYS Bình Định 02/12/2022 10:15
syt_binhphong_7a5

Mẫu số 02

TỔNG HỢP TÌNH HÌNH TIẾP NHẬN, SỬ DỤNG VÀ CUNG CẤP MÁU CÁC TỈNH/THÀNH PHỐ

(Thời gian thống kê từ ngày 1/12/2021 đến 30/11/2022)

1. Tiếp nhận máu

TT	Cơ sở tiếp nhận	Số đơn vị máu toàn phần*				Tỷ lệ hiến máu tình nguyện nhắc lại**	Tỷ lệ hiến máu $\geq$ 350ml	Tiếp nhận khối tiểu cầu gần tách apheresis***	Các thành phẩm gần tách khác	Địa bàn tiếp nhận (tỉnh/TP)
		250ml	350ml	450ml	Tổng số đơn vị					
1										
2										
3										
Tổng										

Ghi chú: * Xin ghi số lượng đơn vị máu thực tế, KHÔNG ghi đơn vị máu quy đổi

** Người hiến máu tình nguyện nhắc lại được xác định là người đã từng hiến máu và hiến máu nhắc lại trong năm 2021 (từ ngày 1/12/2021 đến 30/11/2022)

*** Xin ghi số lượng thực tế đơn vị khối tiểu cầu gần tách (apheresis) thực tế, KHÔNG quy đổi thể tích

2. Sử dụng và cung cấp máu

TT	Bệnh viện/ cơ sở y tế	Sử dụng, cung cấp		MTP	Khối hồng cầu		Khối tiểu cầu pool	Khối tiểu cầu gần tách apheresis	Huyết tương các loại	Chế phẩm máu khác	Hội đồng truyền máu bệnh viện (có/không)
		Sử dụng tại BV (tích dấu X)	Cung cấp cho BV khác (ghi rõ tên BV)		250ml	$\geq$ 350ml					
1											
2											
3											
Tổng											

Ghi chú: Tính theo số lượng đơn vị máu và chế phẩm máu KHÔNG quy đổi thể tích.

3. Thông tin đơn vị, cán bộ theo dõi hoạt động truyền máu của Sở

Tên Phòng/đơn vị:

Địa chỉ:

Họ và tên Lãnh đạo đơn vị:

Họ và tên Cán bộ giao phụ trách:

Điện thoại:

Điện thoại:

Email

Email

Địa phương, ngày.....tháng.....năm 2022
LÃNH ĐẠO SỞ Y TẾ